

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày 21 tháng 3 năm 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi
Ông Nguyễn Kim Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Lan A**, sinh năm 1974

Địa chỉ: số 23 Lê Chân, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Bà **Mai Thị Thuý N**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Phòng A, chung cư 12T5, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Lan A trình bày:

Từ năm 2018, bà Trương Thị Lan A bắt đầu cho bà Mai Thị Thuý N vay nhiều lần với số tiền mỗi lần từ 30.000.000đ đến 50.000.000đ. Đến năm 2021, bà N viết giấy mượn tiền của bà A tổng cộng 333.000.000đ, giấy mượn tiền do bà N trực tiếp viết, ký. Sau đó bà N trả nhiều lần cộng dồn lại được 30.000.000đ tiền gốc, còn lại số tiền gốc 303.000.000đ đến nay vẫn chưa thanh toán.

Về lãi suất: Trước đây cho bà Mai Thị Thuý N vay nhiều lần có thu tiền lãi bằng với mức lãi suất ngân hàng nhưng do sự việc đã lâu nên bà Trương Thị Lan A không nhớ chính xác số tiền lãi là bao nhiêu. Mặt khác bà N cũng chỉ trả được số tiền lãi trong hai năm 2018, 2019 sau đó ngừng trả lãi từ năm 2020 cho đến nay. Việc bà N không trả lãi đã gây rất nhiều thiệt hại cho bà A, lẽ ra bà A phải yêu cầu bà N trả lãi từ năm 2020 đến nay. Tuy nhiên, hiện tại số tiền gốc bà A cũng chưa lấy lại được do vậy bà không yêu cầu tính lãi.

Để chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn và nhằm tạo điều kiện cho bà N trả nợ thì bà Trương Thị Lan A tự nguyện cho lại bà N 23.000.000đ, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà N trả lại cho bà A số tiền là 280.000.000đ. Về phương thức thanh toán: Bà Trương Thị Lan A đề nghị bà Mai Thị Thuý N thanh toán một lần, không đồng ý với phương thức trả nhiều lần như bà N đưa ra.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Mai Thị Thuý N trình bày:

Năm 2017, bà Mai Thị Thuý N có vay của bà Trương Thị Lan A 5 đợt như sau: Đợt 1: 50.000.000 đồng; Đợt 2: 100.000.000 đồng; Đợt 3: 100.000.000 đồng; Đợt 4: 30.000.000 đồng; Đợt 5: 50.000.000 đồng; Mục đích vay là để cho người khác vay lại, nhưng họ lại mất khả năng thanh toán. Tiền lãi trả hàng tháng bà A lấy trước, số tiền lãi trả nhiều lần nên cũng không nhớ rõ số tiền cụ thể, đã trả xong tiền lãi của năm 2017. Đến năm 2021, do ảnh hưởng dịch bệnh, bà N không có khả năng thanh toán nợ nên đến ngày 25/02/2021 bà Mai Thị Thuý N viết giấy nợ xác nhận nợ bà Lan Anh số tiền 333.000.000 đồng. Sau khi viết giấy nợ bà N góp trả lãi như sau: Ban đầu mỗi ngày bà N góp 500.000 đồng để trả tiền gốc và lãi của số tiền trên, tổng góp được 01 tháng là 15.000.000 đồng, tiếp theo giảm xuống góp 200.000 đồng/ngày, tổng góp được 01 tháng là 6.000.000 đồng, sau đó giảm xuống góp 100.000 đồng/ngày, góp được 3 tháng là 9.000.000 đồng, cuối cùng bà Mai Thị Thuý N nhắn tin bà Trương Thị Lan A ra lấy tiền mỗi ngày 100.000 đồng nhưng bà A không đến lấy.

Nay bà Mai Thị Thuý N xác nhận nợ bà Trương Thị Lan A số tiền 303.000.000 đồng, bà A cho lại số tiền 33.000.000 đồng chỉ yêu cầu trả 280.000.000 đồng thì bà thống nhất. bà N không có ý kiến gì đối với số tiền lãi trước đây đã trả cho bà A. Về phương thức thanh toán, bà N xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng bắt đầu từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Mai Thị Thuý N cư trú tại phường Nai Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ vào Giấy mượn tiền, lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định từ năm 2017 đến năm 2020 bà Mai Thị Thuý N có vay của bà Trương Thị Lan A nhiều lần với tổng số tiền 333.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền vào ngày 25/2/2021, thời hạn cho vay tính từ thời điểm chốt nợ gốc là 10 tháng đến ngày 25/12/2021, các bên đều thừa nhận có thỏa thuận tính lãi bằng miệng, do vậy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc thỏa thuận cho vay phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Đối với khoản tiền gốc cho vay, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, các bên đều thừa nhận bên cho vay là bà Trương Thị Lan A đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay bà Mai Thị Thuý N. Khi hết hạn cho vay ngày 25/12/2021 cho đến nay bà Mai Thị Thuý N không trả lại tiền. Vào tháng 3, 4, 5, 6 và tháng 7 năm 2021 bà Mai Thị Thuý N trả 05 lần được 30.000.000đ, bà A cho rằng số tiền này là trả tiền gốc, bà N cho rằng là trả tiền lãi tuy nhiên và Anh đã trừ số tiền này vào khoản tiền gốc để giảm nợ gốc cho bà N nên hai bên không tranh chấp về số tiền này. Nay bà Trương Thị Lan A giảm cho bà N số tiền 23.000.000đ, yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị Thuý N thanh toán số tiền cho vay còn lại 280.000.000đ đồng. Đối với bà Mai Thị Thuý N xác nhận còn nợ số tiền như bà Trương Thị Lan A yêu cầu nhưng chưa có khả năng thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Trương Thị Lan A là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Điều 470 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về tiền lãi: Các bên đương sự khai mức lãi suất cho vay khác nhau tuy nhiên nay nguyên đơn bà A không yêu cầu tính lãi và bị đơn bà N không có ý kiến gì đối với tiền lãi đã trả cho bà A nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4]. Về phương thức trả nợ: Bà Mai Thị Thuý N có nguyện vọng được trả tiền gốc theo phương thức trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ, tuy nhiên yêu cầu này của bà Mai Thị Thuý N không được bà Trương Thị Lan A

đồng ý, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận, cần buộc bà Mai Thị Thuý N trả toàn bộ số nợ trên một lần.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả là $280.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.000.000 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Trương Thị Lan A đối với bà Mai Thị Thuý N

Buộc bà Mai Thị Thuý N phải thanh toán cho bà Trương Thị Lan A số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Thị Thuý N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Bà Trương Thị Lan A không chịu án phí, hoàn trả cho bà Trương Thị Lan A số tiền tạm ứng án phí 7.575.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) bà Trương Thị Lan A đã nộp theo biên lai thu số: 0003507 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng